

HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG THUỐC CHO CÁN BỘ Y TẾ

1. Tên thuốc : SOLACY® ADULTE

2. Thành phần cấu tạo của thuốc :

Cho một viên nang cứng 177,50 mg

Hoạt chất :

L-Cystin 72,60 mg

Lưu huỳnh kết tủa 22,00 mg

Vitamin A acetat bao (*)

Lượng retinol tương đương 1650 IU

Nấm men *Saccharomyces cerevisiae* (**) 77,40 mg

(tương đương $1,935 \times 10^9$ tế bào)

Tá dược : Magnesi stearate (2,20 mg).

(*) Thành phần của Vitamin A acetat bao: Vitamin A acetat kết tinh 500.000 IU/g, gelatin, saccharose, tinh bột bắp, chất chống oxy hóa (BHT).

(**) Nấm men *Saccharomyces cerevisiae*: *Saccharomyces cerevisiae* được lên men, sau đó rửa và sấy khô.

Thành phần lớp vỏ của viên nang: Gelatin, titanium dioxide (E 171).

3. Dạng bào chế : Viên nang cứng.

4. Các đặc tính dược lực học, dược động học :

Các đặc tính dược lực học :

Nhóm dược lý - trị liệu :

THUỐC DINH DƯỠNG NIÊM MẠC HỒ HẤP

(R. Hệ hô hấp)

Mã ATC: R05X.

Phối hợp lưu huỳnh, vitamin A và men có công dụng làm thuyên giảm hiện tượng viêm ở niêm mạc mũi - hầu.

Vitamin A có công dụng kích thích hệ thống miễn dịch.

Các đặc tính dược động học : Không có dữ liệu.

5. Quy cách đóng gói:

Hộp chứa 3 vỉ x 15 viên nang cứng.

Hộp chứa 6 vỉ x 15 viên nang cứng.

6. Chỉ định, liều dùng, cách dùng, chống chỉ định:

Chỉ định : Điều trị triệu chứng bệnh lý mũi - hầu ở người lớn.

Liều dùng : THUỐC NÀY DÀNH CHO NGƯỜI LỚN.

03 viên/ngày trong 3 tháng.

Nuốt các viên thuốc với một ly nước, tốt nhất là trong bữa ăn.

Đường dùng : Đường uống.

Chống chỉ định : Bệnh nhân quá mẫn cảm với bất cứ thành phần nào của thuốc.

7. Các trường hợp thận trọng khi dùng thuốc :

Sản phẩm này có chứa vitamin A, cần lưu ý chính liều khi dùng đồng thời với các thuốc khác có chứa vitamin A.

Do hiện diện saccharose, chống chỉ định dùng thuốc trong trường hợp không dung nạp fructose (bệnh di truyền hiếm gặp).

Trường hợp có thai và cho con bú :

Có thai :

Vitamin A gây quái thai ở vài loài động vật.

Ở người, trường hợp thai dị dạng đã được ghi nhận khi sử dụng liều cao vitamin A. Tuy nhiên, cho đến nay, do thiếu những nghiên cứu dịch tễ học đáng tin cậy và do số lượng các ca bệnh riêng lẻ còn ít nên chưa thể đưa ra kết luận rõ ràng về tính xác thực của nguy cơ gây dị dạng thai.

Vì vậy, thuốc dùng không nên chứa lượng vitamin A vượt quá 5000 IU/ngày ngoài lượng vitamin A cung cấp hằng ngày qua thức ăn.

Cho con bú :

Với liều cao, có nguy cơ quá liều cho trẻ sơ sinh.

Vì vậy, thuốc dùng không nên chứa lượng vitamin A vượt quá 5000 IU/ngày ngoài lượng vitamin A cung cấp hằng ngày qua thức ăn.

Tác dụng đối với khả năng lái xe và vận hành máy móc :

Không có ảnh hưởng đối với khả năng lái xe và vận hành máy móc.

Tá được cần lưu ý : Saccharose.

- 8. Tương tác của thuốc với các thuốc khác và các loại tương tác khác:**
Cho đến nay, các dữ liệu cho thấy không có tương tác có ý nghĩa lâm sàng.

- 9. Tác dụng không mong muốn :**
Một vài phản ứng trên da đã được ghi nhận.

- 10. Quá liều và cách xử trí :**
Dùng quá liều có thể gây ra các biểu hiện rối loạn do dư thừa vitamin A.

- 11. Các dấu hiệu cần lưu ý và khuyến cáo :**
Không có.

- 12. Điều kiện bảo quản, hạn dùng của thuốc :**
Bảo quản thuốc ở nhiệt độ dưới 30°C. Để ở nơi khô ráo và tránh ánh sáng.
Hạn dùng : 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

- 13. Tên, địa chỉ cơ sở sản xuất :** Laboratoires Grimberg SA - ZA des Boutries, rue Vermont - 78704 Conflans Sainte Honorine Cedex - Pháp.

- 14. Ngày xem xét sửa đổi, cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc :**
19/12/2017.